

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2025 – 2026

Biểu số: 01

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Dân tộc	Học vấn	Trình độ CM	Biên chế	Hợp đồng Huyện	Dạy lớp	Bán trú 2 buổi/ngày	Địa điểm dạy	Ghi chú (Ghi rõ lớp ghép)
01	Doãn Thị Trúc Linh	1986	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x		Lá 1	Bán trú	Điểm chính	Lớp lá đơn
02	Phạm Thị Cúc	1992	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
03	Vì Thị Kim Cúc	1989	Nùng	12/12	ĐHSPMN	x					
04	Cao Thị Thanh Hồng	1987	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x		Lá 2	Bán trú	Điểm chính	Lớp lá đơn
05	Trần Thị Kim Lê	1989	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
06	Lê Thị Thu Hà	1993	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x		Lá 3	Bán trú	Điểm chính	Lớp lá đơn
07	Trần Thị Thảo	1989	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
08	Phan Ngọc Lan	1988	Nùng	12/12	ĐHSPMN	x		Lá 4	Bán trú	Điểm thôn 1	Lớp lá ghép 3 độ tuổi
09	Đào Thị Hòa	1984	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
10	Đặng Thu Huyền	1989	Nùng	12/12	ĐHSPMN	x		Chồi 1	Bán trú	Điểm chính	Lớp chồi
11	Hà Thị Thắm	1990	Thái	12/12	ĐHSPMN	x					
12	Huỳnh Thị Thanh Dung	1997	Kinh	12/12	CĐSPMN	x		Chồi 2	Bán trú	Điểm chính	Lớp chồi
13	Hồ Thị Kim Hồng	1993	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
14	Lê Thị Dung	1984	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x		Chồi 3	Bán trú	Điểm chính	Lớp chồi
15	Nguyễn Thị Thanh	1984	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
16	Lê Thị Nguyệt	1976	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x		Mầm 1	Bán trú	Điểm chính	Lớp mầm
17	Mai Thị Diệp	1989	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
18	Nghiêm Thị Linh	1985	Kinh	12/12	ĐHSPMN	x					
19	Nông Thanh Thuỷ	1983	Tày	12/12	ĐHSPMN	x		Mầm 2	Bán trú	Điểm chính	Lớp mầm
20	H'Nga Knul	1990	H'Mông	12/12	ĐHSPMN	x					

NGƯỜI LẬP


Nông Thị Thùy Chinh

Nam Dong, ngày 01 tháng 08 năm 2025

